



**TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP TP HCM
KHOA TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG**

THUẾ

Giảng viên: ThS. Nguyễn Lê Hồng Vỹ

6 June 2012

Nguyễn Lê Hồng Vỹ

1



Chương 6:

THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN

6 June 2012

Nguyễn Lê Hồng Vỹ

2



Căn cứ pháp lý

- ✓ Luật thuế thu nhập cá nhân số 04/2007/QH12 ngày 21/11/2007.
- ✓ Nghị định số 100/2008/NĐ-CP ngày 08/9/2008 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thuế TNCN;
- ✓ Thông tư số 84/2008/TT-BTC của Bộ Tài Chính ngày 30/9/2008 về hướng dẫn thi hành chi tiết thuế TNCN.
- ✓ Thông tư số 02/2010/TT-BTC ngày 11/01/2010 của BTC.
- ✓ Thông tư số 12/2011/TT-BTC ngày 26/01/2011 của BTC.



6.1 Khái niệm và mục đích:

6.1.1 Khái niệm:

Là loại thuế trực thu, thu trực tiếp trên thu nhập nhận được của cá nhân trong một khoảng thời gian nhất định (thường là một năm) hoặc từng lần phát sinh.

6.1.2 Mục đích

- ✓ Tạo nguồn thu cho ngân sách Nhà nước.
- ✓ Thực hiện công bằng xã hội
- ✓ Công cụ để quản lý thu nhập ngầm của các cá nhân, góp phần chống các tội phạm xã hội.



6.2 Đối tượng nộp thuế thu nhập cá nhân

- ❖ Là cá nhân cư trú có thu nhập trong và ngoài lãnh thổ Việt Nam; cá nhân không cư trú có thu nhập trong lãnh thổ VN (không phân biệt nơi trả và nhận thu nhập).
- **Cá nhân cư trú:** Có mặt tại VN từ 183 ngày trở lên trong một năm dương lịch hoặc trong 12 tháng liên tục; hoặc có nơi ở đăng ký thường trú; hoặc có nhà thuê để ở từ 90 ngày trở lên trong năm tính thuế: **Thu nhập chịu thuế** là thu nhập phát sinh trong và ngoài lãnh thổ Việt Nam.
- **Cá nhân không cư trú:** **Thu nhập chịu thuế** là thu nhập phát sinh tại Việt Nam.



6.3 Căn cứ và phương pháp tính thuế

6.3.1 Đối với cá nhân cư trú

6.3.1.1 Thu nhập chịu thuế:

- (1) Thu nhập từ kinh doanh.
- (2) Thu nhập từ tiền lương, tiền công.
- (3) Thu nhập từ đầu tư vốn
- (4) Thu nhập từ chuyển nhượng vốn
- (5) Thu nhập từ chuyển nhượng bất động sản
- (6) Thu nhập từ trúng thưởng
- (7) Thu nhập từ bản quyền
- (8) Thu nhập từ nhượng quyền thương mại



6.3 Căn cứ và phương pháp tính thuế

6.3.1 Đối với cá nhân cư trú

6.3.1.1 Thu nhập chịu thuế

- (9) Thu nhập từ nhận thừa kế
- (10) Thu nhập từ nhận quà tặng

6.3.1.2 Thu nhập được miễn thuế

- (1) Thu nhập từ chuyển nhượng BĐS giữa vợ với chồng; cha mẹ đẻ với con đẻ; cha mẹ nuôi với con nuôi; cha mẹ chồng với con dâu; cha mẹ vợ với con rể; ông bà nội với cháu nội; ông bà ngoại với cháu ngoại; anh chị em ruột với nhau.



6.3 Căn cứ và phương pháp tính thuế

6.3.1 Đối với cá nhân cư trú

6.3.1.2 Thu nhập được miễn thuế (cá nhân cư trú)

- (2) Thu nhập từ chuyển nhượng nhà ở, quyền sử dụng đất ở và tài sản gắn liền với đất ở của cá nhân chỉ có duy nhất một nhà ở, quyền sử dụng đất ở tại VN.
- (3) Thu nhập từ giá trị quyền sử dụng đất của cá nhân được nhà nước giao đất không phải trả tiền hoặc được giảm tiền sử dụng đất theo quy định của pháp luật
- (4) Thu nhập từ nhận thừa kế, quà tặng là BĐS giữa những người thân trong gia đình quy định tại mục (1).



6.3 Căn cứ và phương pháp tính thuế

6.3.1 Đối với cá nhân cư trú

6.3.1.2 Thu nhập được miễn thuế

(5) Thu nhập của hộ gia đình, cá nhân trực tiếp tham gia vào hoạt động sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, làm muối, nuôi trồng, đánh bắt thủy sản chưa qua chế biến thành các sản phẩm khác hoặc chỉ qua sơ chế thông thường.

(6) Thu nhập từ chuyển đổi đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân được Nhà nước giao để sản xuất.

(7) Thu nhập từ lãi tiền gửi tại ngân hàng, tổ chức tín dụng, lãi từ hợp đồng bảo hiểm nhân thọ.

(8) Thu nhập từ kiều hối.

6 June 2012

Nguyễn Lê Hồng Vỹ

9



6.3 Căn cứ và phương pháp tính thuế

6.3.1 Đối với cá nhân cư trú

6.3.1.2 Thu nhập được miễn thuế

(9) Thu nhập từ phần tiền lương, tiền công làm việc ban đêm, làm thêm giờ được trả cao hơn so với tiền lương, tiền công làm việc ban ngày, làm trong giờ theo quy định.

(10) Thu nhập từ tiền lương hưu do bảo hiểm xã hội trả theo quy định của Luật Bảo hiểm xã hội.

(11) Thu nhập từ bồi thường hợp đồng bảo hiểm nhân thọ, phi nhân thọ, bồi thường tai nạn lao động, các khoản bồi thường nhà nước và các khoản bồi thường khác theo quy định.

6 June 2012

Nguyễn Lê Hồng Vỹ

10



6.3 Căn cứ và phương pháp tính thuế

6.3.1 Đối với cá nhân cư trú

6.3.1.2 Thu nhập được miễn thuế

(12) Thu nhập từ học bổng từ ngân sách nhà nước hoặc từ các tổ chức trong nước và ngoài nước.

(13) Thu nhập nhận được từ các quỹ từ thiện được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép thành lập hoặc công nhận, hoạt động vì mục đích từ thiện, nhân đạo, khuyến học (không nhằm mục đích thu lợi nhuận).

(14) Thu nhập nhận được từ nguồn viện trợ của nước ngoài vì mục đích từ thiện, nhân đạo dưới hình thức Chính phủ và phi CP được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.



6.3 Căn cứ và phương pháp tính thuế

6.3.1 Đối với cá nhân cư trú

6.3.1.3 Giảm thuế

✓ Đối tượng nộp thuế gặp khó khăn do thiên tai, hỏa hoạn, tai nạn, người mắc bệnh hiểm nghèo ảnh hưởng đến khả năng nộp thuế thì được xét giảm thuế tương ứng với mức độ thiệt hại nhưng không vượt quá số thuế phải nộp.

✓ Căn cứ để xác định mức độ thiệt hại được giảm thuế là tổng chi phí thực tế để khắc phục thiệt hại trừ đi các khoản bồi thường nhận được từ cơ quan bảo hiểm (nếu có), hoặc từ tổ chức, cá nhân gây ra tai nạn (nếu có).



6.3 Căn cứ và phương pháp tính thuế

6.3.1 Đối với cá nhân cư trú

❖ Hồ sơ, thủ tục xét giảm thuế:

- ✓ Văn bản theo mẫu số 18/MGT-TNCN.
- ✓ Biên bản xác định mức độ thiệt hại hoặc mức độ thương tật; hoặc bản sao hồ sơ bệnh án hoặc sổ khám bệnh.
- ✓ Chứng từ bồi thường (nếu có) và các chứng từ chi liên quan trực tiếp đến việc khắc phục thiệt hại; hoặc chứng từ chứng minh chi phí khám chữa bệnh.
- ✓ Tờ khai quyết toán thuế thu nhập cá nhân (nếu có)

6 June 2012

Nguyễn Lê Hồng Vỹ

13



6.3 Căn cứ và phương pháp tính thuế

6.3.1 Đối với cá nhân cư trú

- Căn cứ tính thuế chung đối với thuế thu nhập cá nhân là **Thu nhập tính thuế** và **Thuế suất**.

Số thuế thu nhập cá nhân phải nộp	=	Thu nhập tính thuế	X	Thuế suất
--	----------	---------------------------	----------	------------------

- Tùy vào từng loại hình thu nhập, chia làm 2 loại:
 - ✓ Thu nhập từ kinh doanh, tiền lương, tiền công.
 - ✓ Thu nhập từ các hoạt động khác.
- Mức thuế suất 2 loại này khác nhau theo 2 biểu thuế sau:

6 June 2012

Nguyễn Lê Hồng Vỹ

14



6.3.1.4 Thuế suất thuế TNCN

- Đối với thu nhập từ KD và tiền lương, tiền công: Là mức thuế suất theo **Biểu thuế lũy tiến từng phần**.

Bậc thuế	Phần thu nhập tính thuế/năm (trđ)	Phần thu nhập tính thuế/tháng (trđ)	Thuế suất (%)
1	Đến 60	Đến 5	5
2	Trên 60 đến 120	Trên 5 đến 10	10
3	Trên 120 đến 216	Trên 10 đến 18	15
4	Trên 216 đến 384	Trên 18 đến 32	20
5	Trên 384 đến 624	Trên 32 đến 52	25
6	Trên 624 đến 960	Trên 52 đến 80	30
7	Trên 960	Trên 80	35

6 June 2012

Nguyễn Lê Hồng Vỹ

15



6.3.1.4 Thuế suất thuế TNCN

- **Biểu thuế suất toàn phần đối với thu nhập khác:**

Thu nhập tính thuế	Thuế suất
Thu nhập từ đầu tư vốn	5%
Thu nhập từ bản quyền, nhượng quyền TM	5%
Thu nhập từ trúng thưởng	10%
Thu nhập từ thừa kế, quà tặng	10%
Thu nhập từ chuyển nhượng vốn (giá bán–mua)	20%
Thu nhập từ chuyển nhượng CK (giá bán)	0,1%
Thu nhập từ chuyển nhượng BĐS (giá bán–mua)	25%
Thu nhập từ chuyển nhượng BĐS (giá bán)	2%

6 June 2012

Nguyễn Lê Hồng Vỹ

16



6.3 Căn cứ và phương pháp tính thuế

6.3.1 Đối với cá nhân cư trú

- Đối với thu nhập từ KD và tiền lương, tiền công.

Thu nhập tính thuế	=	Thu nhập chịu thuế	-	Các khoản giảm trừ dưới đây
-----------------------	---	-----------------------	---	--------------------------------

- ✓ Các khoản đóng bảo hiểm bắt buộc như: BHXH, BHYT, bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp đối với 1 số ngành nghề;
- ✓ Các khoản giảm trừ gia cảnh: bản thân và người phụ thuộc (con dưới 18 tuổi hoặc đang đi học; người thân ngoài độ tuổi lao động hoặc bị tàn tật có thu nhập ≤ 500.000 đồng).
- ✓ Các khoản đóng góp quỹ từ thiện, nhân đạo, khuyến học.

6 June 2012

Nguyễn Lê Hồng Vỹ

17



6.3 Căn cứ và phương pháp tính thuế

6.3.1 Đối với cá nhân cư trú

- (1) Từ hoạt động SXKD:

Thu nhập chịu thuế từ SXKD	=	Doanh thu để tính thu nhập chịu thuế	-	Các khoản chi phí hợp lý	+	Thu nhập chịu thuế khác
----------------------------------	---	---	---	-----------------------------------	---	----------------------------------

- ✓ Nếu là nhóm KD thì thu nhập chịu thuế của mỗi người được tính theo tỷ lệ góp vốn, theo thỏa thuận hoặc bình quân.
- ✓ Nếu không thực hiện tốt chế độ kế toán thì căn cứ doanh thu ấn định và tỷ lệ thu nhập chịu thuế đối với từng ngành.

6 June 2012

Nguyễn Lê Hồng Vỹ

18



6.3 Căn cứ và phương pháp tính thuế

6.3.1 Đối với cá nhân cư trú

(1) Từ hoạt động SXKD:

1. Đối với cá nhân kinh doanh chưa thực hiện chế độ kế toán, hoá đơn, chứng từ nộp thuế khoán ổn định:

Thu nhập chịu thuế trong kỳ	=	Doanh thu ấn định trong kỳ	X	Tỷ lệ thu nhập chịu thuế ấn định
------------------------------------	----------	-----------------------------------	----------	---

2. Đối với cá nhân kinh doanh chỉ hạch toán được doanh thu bán HHDV, không hạch toán, xác định được chi phí:

Thu nhập chịu thuế trong kỳ	=	Doanh thu trong kỳ	X	Tỷ lệ thu nhập chịu thuế ấn định
------------------------------------	----------	---------------------------	----------	---

6 June 2012

Nguyễn Lê Hồng Vỹ

19



6.3 Căn cứ và phương pháp tính thuế

6.3.1 Đối với cá nhân cư trú

▪ **Ví dụ 6.1:** Thu nhập cá nhân từ hoạt động kinh doanh.

✓ Ông A, ông B, ông C cùng đứng tên trong một nhóm cá nhân KD. Trong giấy đăng ký KD có nêu rõ tỷ lệ góp vốn của ông A là 50%, ông B 30% và ông C 20%.

✓ Thu nhập chịu thuế TNCN năm 2011 của nhóm cá nhân KD này là 400 triệu đồng. Mỗi cá nhân có số người phụ thuộc là 2 người, trong năm không phát sinh các khoản đóng góp từ thiện. Số thuế TNCN của mỗi cá nhân phải nộp trong năm được xác định như sau:

6 June 2012

Nguyễn Lê Hồng Vỹ

20



6.3 Căn cứ và phương pháp tính thuế

6.3.1 Đối với cá nhân cư trú

▪ Bước 1: Xác định thu nhập chịu thuế của từng cá nhân

Ông A: $400 \text{ trđ} \times 50\% = 200 \text{ triệu đồng}$.

Ông B: $400 \text{ trđ} \times 30\% = 120 \text{ triệu đồng}$.

Ông C: $400 \text{ trđ} \times 20\% = 80 \text{ triệu đồng}$.

▪ Bước 2: Xác định thu nhập tính thuế của từng cá nhân

Mức giảm trừ gia cảnh tính cho 1 năm của mỗi cá nhân đều như nhau là: $(4 \text{ trđ} + 1,6 \text{ trđ} \times 2 \text{ người}) \times 12 \text{ tháng} = 86,4 \text{ trđ}$

Ông A: $200 \text{ trđ} - 86,4 \text{ trđ} = 113,6 \text{ triệu đồng}$

Ông B: $120 \text{ trđ} - 86,4 \text{ trđ} = 33,6 \text{ triệu đồng}$

Ông C: $80 \text{ trđ} - 86,4 \text{ trđ} = -6,4 \text{ triệu đồng}$

6 June 2012

Nguyễn Lê Hồng Vỹ

21



6.3 Căn cứ và phương pháp tính thuế

6.3.1 Đối với cá nhân cư trú

▪ Bước 3: Tính thuế phải nộp trong năm của mỗi người

Ông A: Có thu nhập năm là 113,6 triệu đồng nên chịu 2 mức thuế suất: 60 triệu đồng áp dụng mức thuế suất 5% và số thu nhập còn lại là $(113,6 - 60 = 53,6 \text{ triệu đồng})$ thuế suất 10%.

➤ Thuế thu nhập cá nhân phải nộp của mỗi cá nhân như sau:

Ông A: $(60 \text{ trđ} \times 5\%) + 53,6 \text{ trđ} \times 10\% = 8,36 \text{ triệu đồng}$.

Ông B: $33,6 \text{ triệu đồng} \times 5\% = 1,68 \text{ triệu đồng}$.

Ông C: Sau khi đã giảm trừ gia cảnh thì thu nhập còn lại của ông C chưa đến mức chịu thuế TNCN.

6 June 2012

Nguyễn Lê Hồng Vỹ

22



6.3 Căn cứ và phương pháp tính thuế

6.3.1 Đối với cá nhân cư trú

(2) Từ tiền lương, tiền công:

Thu nhập chịu thuế từ tiền lương, tiền công	=	Tổng thu nhập từ tiền lương, tiền công	-	Các khoản phụ cấp, trợ cấp theo quy định
--	----------	---	----------	---

✓ Thu nhập chịu thuế là tổng số tiền lương, tiền công và các khoản thu nhập khác có tính chất tiền lương, tiền công mà đối tượng nộp thuế nhận được. Thời điểm xác định thu nhập chịu thuế là lúc người sử dụng LĐ trả tiền lương cho người LĐ.

6 June 2012

Nguyễn Lê Hồng Vỹ

23



6.3 Căn cứ và phương pháp tính thuế

6.3.1 Đối với cá nhân cư trú

❖ Các khoản phụ cấp, trợ cấp được trừ:

- ✓ Phụ cấp đối với người có công với cách mạng theo qui định về ưu đãi đối với người có công;
- ✓ Phụ cấp quốc phòng, an ninh theo quy định;
- ✓ Phụ cấp độc hại, nguy hiểm, phụ cấp thu hút;
- ✓ Các khoản phụ cấp theo qui định của Bộ luật Lao động;
- ✓ Các khoản trợ cấp khác theo qui định của Luật BHXH và Bộ luật Lao động;
- ✓ Trợ cấp để giải quyết tệ nạn xã hội.

6 June 2012

Nguyễn Lê Hồng Vỹ

24



6.3 Căn cứ và phương pháp tính thuế

6.3.1 Đối với cá nhân cư trú

❖ Các khoản tiền thưởng được trừ khi tính thu nhập chịu thuế từ tiền lương, tiền công:

- ✓ Tiền thưởng kèm theo các danh hiệu được Nhà nước phong tặng; tiền thưởng kèm theo các giải thưởng quốc gia, giải thưởng quốc tế được Nhà nước Việt Nam thừa nhận;
- ✓ Tiền thưởng về cải tiến kỹ thuật, sáng chế, phát minh được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền công nhận;
- ✓ Tiền thưởng về phát hiện, khai báo hành vi vi phạm pháp luật với cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

6 June 2012

Nguyễn Lê Hồng Vỹ

25



6.3 Căn cứ và phương pháp tính thuế

6.3.1 Đối với cá nhân cư trú

❖ Giảm trừ gia cảnh:

- **Giảm trừ gia cảnh là số tiền trừ vào thu nhập chịu thuế.**
 - Trường hợp cá nhân cư trú vừa có thu nhập từ kinh doanh, vừa có thu nhập từ tiền lương, tiền công thì sẽ tính giảm trừ gia cảnh một lần vào tổng 2 loại thu nhập trên.
 - ✓ Đối với đối tượng nộp thuế: **4 trđ/tháng** (48 trđ/năm).
 - ✓ Đối với mỗi người phụ thuộc: **1,6 trđ/tháng** (kể từ tháng phát sinh nghĩa vụ nuôi dưỡng).
 - Phải có đầy đủ hồ sơ hợp lý mới được giảm trừ gia cảnh.

6 June 2012

Nguyễn Lê Hồng Vỹ

26



6.3 Căn cứ và phương pháp tính thuế

6.3.1 Đối với cá nhân cư trú

❖ Giảm trừ gia cảnh:

▪ Nguyên tắc tính giảm trừ gia cảnh:

- ✓ Chỉ được tính giảm trừ gia cảnh nếu đã đăng ký thuế và được cấp Mã số thuế.
- ✓ Mỗi người phụ thuộc chỉ được tính giảm trừ một lần vào một đối tượng nộp thuế trong năm tính thuế.
- ✓ Đối tượng nộp thuế có trách nhiệm kê khai số người phụ thuộc được giảm trừ và phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc kê khai này.

6 June 2012

Nguyễn Lê Hồng Vỹ

27



6.3 Căn cứ và phương pháp tính thuế

6.3.1 Đối với cá nhân cư trú

❖ Người phụ thuộc để tính giảm trừ gia cảnh:

- ✓ Con đẻ, con nuôi, con ngoài giá thú dưới 18 tuổi (hoặc trên 18 tuổi nhưng bị tàn tật, không có khả năng LĐ); con đang học tại trường ĐH, CĐ, trung học chuyên nghiệp, dạy nghề, không có thu nhập hoặc có thu nhập ≤ 500.000 đ/tháng.
- ✓ Vợ/chồng ngoài độ tuổi LĐ (hoặc trong độ tuổi nhưng bị tàn tật, không có khả năng LĐ) có thu nhập ≤ 500.000 đ/tháng.
- ✓ Cha mẹ đẻ, cha mẹ vợ/chồng ngoài độ tuổi LĐ (hoặc trong độ tuổi LĐ nhưng bị tàn tật, không có khả năng lao động), không có thu nhập hoặc có thu nhập ≤ 500.000 đ/tháng

6 June 2012

Nguyễn Lê Hồng Vỹ

28



6.3 Căn cứ và phương pháp tính thuế

6.3.1 Đối với cá nhân cư trú

❖ Người phụ thuộc để tính giảm trừ gia cảnh:

✓ Các cá nhân khác là người ngoài độ tuổi LĐ (hoặc trong độ tuổi LĐ theo quy định của pháp luật nhưng bị tàn tật, không có khả năng LĐ), không nơi nương tựa, không có thu nhập hoặc có thu nhập nhưng không vượt quá 500.000 đ/tháng mà đối tượng nộp thuế đang phải trực tiếp nuôi dưỡng như:

- Anh ruột, chị ruột, em ruột;
- Ông bà nội, ông bà ngoại, cô, dì, cậu, chú, bác ruột;
- Cháu ruột (bao gồm con của anh, chị, em ruột).
- Người phải trực tiếp nuôi dưỡng khác theo quy định.

6 June 2012

Nguyễn Lê Hồng Vỹ

29



6.3 Căn cứ và phương pháp tính thuế

❖ Giảm trừ gia cảnh

▪ **Ví dụ 6.2:** Ông A là cá nhân cư trú có thu nhập từ lương trong tháng là **12 triệu đồng**. Ông A phải nuôi 02 con dưới 18 tuổi và 01 mẹ già (có đầy đủ hồ sơ chứng minh).

➤ Thuế TNCN ông A phải nộp được xác định như sau:

✓ Các khoản giảm trừ: 1 cho bản thân + 3 người phụ thuộc
 $= 4 \text{ trđ} + (3 \times 1,6 \text{ trđ}) = 8,8 \text{ trđ}$.

✓ Thu nhập tính thuế: $12 \text{ trđ} - 8,8 \text{ trđ} = 3,2 \text{ triệu đồng}$.

➤ Thuế TNCN ông A tạm phải nộp là:

$3,2 \text{ trđ} \times 5\% = 160.000 \text{ đồng/1 tháng}$.

6 June 2012

Nguyễn Lê Hồng Vỹ

30



6.3 Căn cứ và phương pháp tính thuế

❖ Giảm trừ gia cảnh

▪ **Ví dụ 6.3:** Ông A là cá nhân cư trú có thu nhập từ lương trong tháng là **25 triệu đồng**. Ông A phải nuôi 02 con dưới 18 tuổi và 01 mẹ già (có hồ sơ đầy đủ chứng minh).

- Thuế TNCN ông A phải nộp được xác định như sau:
- ✓ Các khoản giảm trừ: 1 cho bản thân + 3 người phụ thuộc
= 4 trđ + (3 x 1,6 trđ) = 8,8 trđ.
- ✓ Thu nhập tính thuế: 25 trđ – 8,8 trđ = **16,2 triệu đồng**.
- Thuế TNCN ông A tạm phải nộp mỗi tháng là:
 $(5 \times 5\%) + (10 - 5) \times 10\% + (16,2 - 10) \times 15\% = \mathbf{1.680.000đ}$

6 June 2012

Nguyễn Lê Hồng Vỹ

31



6.3 Căn cứ và phương pháp tính thuế

❖ Giảm trừ gia cảnh

▪ **Ví dụ 6.4:** Ông A là cá nhân cư trú có thu nhập từ lương trong tháng là **45 triệu đồng**. Ông A phải nuôi 02 con dưới 18 tuổi và 01 mẹ già (có hồ sơ đầy đủ chứng minh).

- Các khoản giảm trừ: 1 cho bản thân + 3 người phụ thuộc
= 4 trđ + (3 x 1,6 trđ) = 8,8 trđ.
- ✓ Thu nhập tính thuế: 45 trđ – 8,8 trđ = **36,2 triệu đồng**.
- Thuế TNCN ông A tạm phải nộp mỗi tháng là:
 $(5 \times 5\%) + (10 - 5) \times 10\% + (18 - 10) \times 15\% +$
 $+ (32 - 18) \times 20\% + (36,2 - 32) \times 25\% = \mathbf{5.800.000 đ}$

6 June 2012

Nguyễn Lê Hồng Vỹ

32



6.3 Căn cứ và phương pháp tính thuế

6.3.1 Đối với cá nhân cư trú

(3) Từ đầu tư vốn:

✓ Thu nhập tính thuế từ đầu tư vốn là thu nhập chịu thuế mà cá nhân nhận được từ hoạt động đầu tư vốn.

Số thuế TNCN phải nộp	=	Thu nhập tính thuế	X	Thuế suất 5%
------------------------------	----------	---------------------------	----------	---------------------

Thu nhập tính thuế	=	Tổng thu nhập chịu thuế từ đầu tư vốn dưới các hình thức
---------------------------	----------	---

6 June 2012

Nguyễn Lê Hồng Vỹ

33



6.3 Căn cứ và phương pháp tính thuế

6.3.1 Đối với cá nhân cư trú

▪ **Ví dụ 6.5:** Thuế thu nhập cá nhân từ đầu tư vốn.

Ông A nhận cổ tức từ việc mua cổ phần (là hoạt động đầu tư vốn) của Công ty X là 40 triệu đồng.

➤ Thuế TNCN ông A phải nộp được xác định như sau:

✓ Thu nhập tính thuế từ đầu tư vốn: 40 triệu đồng.

✓ Thuế suất TNCN từ đầu tư vốn: **5%**.

➤ Thuế TNCN ông A phải nộp từ đầu tư vốn là:

$$40 \text{ triệu đồng} \times 5\% = \mathbf{2.000.000 \text{ đồng.}}$$

6 June 2012

Nguyễn Lê Hồng Vỹ

34



6.3 Căn cứ và phương pháp tính thuế

6.3.1 Đối với cá nhân cư trú

(4) Từ chuyển nhượng vốn (không phải chứng khoán)

Số thuế TNCN phải nộp	=	Thu nhập tính thuế	X	Thuế suất 20%
------------------------------	----------	---------------------------	----------	----------------------

Thu nhập tính thuế từ chuyển nhượng vốn	=	Giá chuyển nhượng	-	Giá mua và các khoản chi phí liên quan
--	----------	--------------------------	----------	---

✓ Chi phí như phí, lệ phí và các khoản chi phí khác liên quan có hóa đơn chứng từ hợp lý.

6 June 2012

Nguyễn Lê Hồng Vỹ

35



6.3 Căn cứ và phương pháp tính thuế

6.3.1 Đối với cá nhân cư trú

▪ **Ví dụ 6.6:** Thuế TNCN từ chuyển nhượng vốn.

Ông A góp vốn vào Công ty X 400 trđ, chuyển nhượng phần vốn góp trên được 450 trđ.

- Thuế TNCN ông A phải nộp được xác định như sau:
 - ✓ Thu nhập tính thuế từ chuyển nhượng vốn: $450 - 400 = 50$ trđ. Thuế suất TNCN từ chuyển nhượng vốn: **20%**.
 - Thuế TNCN ông A phải nộp từ chuyển nhượng vốn là: $50 \text{ triệu đồng} \times 20\% = \mathbf{10.000.000 \text{ đồng}}$.

6 June 2012

Nguyễn Lê Hồng Vỹ

36



6.3 Căn cứ và phương pháp tính thuế

6.3.1 Đối với cá nhân cư trú

(5) Từ chuyển nhượng chứng khoán

Số thuế TNCN phải nộp	=	Cách 1	Thu nhập tính thuế	X	Thuế suất 20%
		Cách 2	Giá chuyển nhượng	X	Thuế suất 0,1%

Thu nhập tính thuế từ chuyển nhượng CK	=	Giá bán chứng khoán	-	Giá mua và các khoản chi phí liên quan
--	---	---------------------	---	--

6 June 2012

Nguyễn Lê Hồng Vỹ

37



6.3 Căn cứ và phương pháp tính thuế

6.3.1 Đối với cá nhân cư trú

▪ **Ví dụ 6.7:** Thuế TNCN từ chuyển nhượng chứng khoán.

Ông A mua cổ phiếu của Công ty X 400 trđ, chuyển nhượng cổ phiếu trên được 450 trđ. Xác định thuế TNCN ông A phải nộp ngay khi chuyển nhượng?

- ✓ Giá chuyển nhượng chứng khoán: 450 trđ.
- ✓ Thuế suất TNCN từ giá chuyển nhượng CK: **0,1%**.
- Thuế TNCN ông A phải nộp từ chuyển nhượng CK là:
450 triệu đồng x 0,1% = **450.000 đồng**.

6 June 2012

Nguyễn Lê Hồng Vỹ

38



6.3 Căn cứ và phương pháp tính thuế

6.3.1 Đối với cá nhân cư trú

(6) Từ chuyển nhượng bất động sản:

Số thuế TNCN phải nộp	=	Thu nhập tính thuế	X	Thuế suất 25%
		Giá chuyển nhượng	X	Thuế suất 2%

Thu nhập tính thuế từ chuyển nhượng BĐS	=	Giá chuyển nhượng	-	Giá mua và các khoản chi phí liên quan
---	---	-------------------	---	--

6 June 2012

Nguyễn Lê Hồng Vỹ

39



6.3 Căn cứ và phương pháp tính thuế

6.3.1 Đối với cá nhân cư trú

▪ Ví dụ 6.8: Thuế TNCN từ chuyển nhượng BĐS.

Ông A mua BĐS giá 400 trđ, sau đó chuyển nhượng BĐS này cho cháu ruột với giá là 450 trđ. Xác định thuế TNCN ông A phải nộp ngay khi chuyển nhượng?

- ✓ Giá chuyển nhượng BĐS: 450 trđ.
- ✓ Thuế suất TNCN từ giá chuyển nhượng BĐS: **2%**.
- Thuế TNCN ông A phải nộp từ chuyển nhượng CK là:
450 triệu đồng x 2% = **9.000.000 đồng**.

6 June 2012

Nguyễn Lê Hồng Vỹ

40



6.3 Căn cứ và phương pháp tính thuế

6.3.1 Đối với cá nhân cư trú

(7) Từ bản quyền và nhượng quyền thương mại:

Số thuế TNCN phải nộp	=	Thu nhập tính thuế (là phần thu nhập trên 10 trđ)	X	Thuế suất 5%
-----------------------------	---	---	---	--------------------

(8) Từ trúng thưởng, thừa kế và quà tặng:

Số thuế TNCN phải nộp	=	Thu nhập tính thuế (là phần thu nhập trên 10 trđ)	X	Thuế suất 10%
-----------------------------	---	---	---	---------------------

6 June 2012

Nguyễn Lê Hồng Vỹ

41



6.3 Căn cứ và phương pháp tính thuế

6.3.1 Đối với cá nhân cư trú

❖ Các hình thức trúng thưởng:

✓ Trúng thưởng xổ số, trúng thưởng trong các hình thức khuyến mại, trong các trò chơi, cuộc thi có thưởng. Trúng thưởng trong các Casino, các hình thức cá cược, đặt cược được pháp luật cho phép và các hình thức trúng thưởng khác.

❖ Thu nhập tính thuế đối với thừa kế, quà tặng

✓ Nếu là ô tô, xe gắn máy, tàu thuyền... được xác định trên cơ sở bảng giá tính lệ phí trước bạ do UBND cấp tỉnh quy định. Nếu là phần vốn góp thì đó là giá trị của phần vốn góp căn cứ vào sổ sách kế toán, hoá đơn chứng từ.

6 June 2012

Nguyễn Lê Hồng Vỹ

42



6.3 Căn cứ và phương pháp tính thuế

6.3.1 Đối với cá nhân cư trú

- **Ví dụ 6.9:** Thuế TNCN từ bản quyền và trúng thưởng.

Ông A có bản quyền sáng chế phát minh, sau đó bán lại cho 1 doanh nghiệp với giá 150 trđ. Trong kỳ, ông A còn trúng thưởng 90 trđ. Thuế TNCN ông A phải nộp?

- ✓ Thuế TNCN từ bản quyền: $(150 - 10) \times 5\% = 7$ trđ.
- ✓ Thuế TNCN từ trúng thưởng: $(90 - 10) \times 10\% = 8$ trđ.
- Số thuế TNCN ông A phải nộp trong kỳ tính thuế từ 2 nguồn thu nhập trên là: 7 trđ + 8 trđ = **15 triệu đồng**.

6 June 2012

Nguyễn Lê Hồng Vỹ

43



6.3 Căn cứ và phương pháp tính thuế

6.3.2 Đối với cá nhân không cư trú

(1) Từ hoạt động SXKD:

Thuế TNCN của cá nhân không cư trú từ SXKD	=	Doanh thu từ SXKD	X	Thuế suất (1%; 2%; 5%)
---	----------	--------------------------	----------	-------------------------------

- **Doanh thu** bao gồm cả chi phí do bên mua HHDV trả thay cho cá nhân không cư trú. **Thuế suất** theo từng ngành nghề:
 - ✓ Kinh doanh dịch vụ : 5%
 - ✓ Kinh doanh hàng hóa : 1%
 - ✓ Hoạt động SX, XD, vận tải và khác : 2%.

6 June 2012

Nguyễn Lê Hồng Vỹ

44



6.3 Căn cứ và phương pháp tính thuế

6.3.2 Đối với cá nhân không cư trú

(2) Từ tiền lương, tiền công:

Thuế TNCN của cá nhân không cư trú từ tiền lương, tiền công	=	Thu nhập chịu thuế từ tiền lương	X	Thuế suất 20%
--	----------	---	----------	----------------------

✓ Thu nhập chịu thuế là tổng số tiền lương, tiền công và các khoản thu nhập khác có tính chất tiền lương, tiền công mà cá nhân không cư trú nhận được.

✓ Thu nhập chịu thuế của cá nhân không cư trú được xác định như đối với thu nhập chịu thuế của cá nhân cư trú.

6 June 2012

Nguyễn Lê Hồng Vỹ

45



6.3 Căn cứ và phương pháp tính thuế

6.3.2 Đối với cá nhân không cư trú

(3) Từ đầu tư vốn:

Thuế TNCN của cá nhân không cư trú từ đầu tư vốn	=	Tổng số tiền nhận được từ đầu tư vốn	X	Thuế suất 5%
---	----------	---	----------	---------------------

(4) Từ chuyển nhượng vốn:

Thuế TNCN của cá nhân không cư trú từ chuyển nhượng vốn	=	Tổng số tiền nhận được từ chuyển nhượng vốn	X	Thuế suất 0,1%
--	----------	--	----------	-----------------------

6 June 2012

Nguyễn Lê Hồng Vỹ

46



6.3 Căn cứ và phương pháp tính thuế

6.3.2 Đối với cá nhân không cư trú

(5) Từ chuyển nhượng BĐS:

Thuế TNCN của cá nhân không cư trú từ chuyển nhượng BĐS	=	Giá chuyển nhượng BĐS	X	Thuế suất 2%
---	---	-----------------------	---	--------------

(6) Từ bản quyền và nhượng quyền thương mại:

Thuế TNCN của cá nhân không cư trú từ bản quyền, nhượng quyền TM	=	Thu nhập chịu thuế từ bản quyền, nhượng quyền TM	X	Thuế suất 5%
--	---	--	---	--------------

6 June 2012

Nguyễn Lê Hồng Vỹ

47



6.3 Căn cứ và phương pháp tính thuế

6.3.2 Đối với cá nhân không cư trú

(7) Từ trúng thưởng, thừa kế, quà tặng:

Thuế TNCN của cá nhân không cư trú từ trúng thưởng, thừa kế, quà tặng	=	Thu nhập chịu thuế từ trúng thưởng, thừa kế, quà tặng	X	Thuế suất 10%
---	---	---	---	---------------

✓ Thu nhập từ bản quyền, nhượng quyền TM và thu nhập từ trúng thưởng, thừa kế, quà tặng được xác định tương tự như đối với cá nhân cư trú.

✓ Thu nhập tính thuế đối với phần giá trị trên 10 triệu đồng.

6 June 2012

Nguyễn Lê Hồng Vỹ

48



6.4 Đăng ký, kê khai, quyết toán, hoàn thuế

6.4.1 Đăng ký thuế:

- **Đối tượng đăng ký thuế:**
 - ✓ Tổ chức, cá nhân trả thu nhập.
 - ✓ Cá nhân có thu nhập chịu thuế thu nhập cá nhân.
- **Hồ sơ đăng ký thuế:** Tờ khai và các hồ sơ theo quy định.
- **Địa điểm nộp hồ sơ đăng ký thuế:**
 - ✓ Cá nhân có thu nhập chịu thuế từ tiền lương, tiền công nộp hồ sơ đăng ký thuế tại đơn vị chi trả thu nhập hoặc nộp trực tiếp cho cơ quan thuế. Nếu nộp tại đơn vị trả thu nhập thì đơn vị có trách nhiệm tổng hợp tờ khai nộp cho cơ quan thuế.

6 June 2012

Nguyễn Lê Hồng Vỹ

49



6.4 Đăng ký, kê khai, quyết toán, hoàn thuế

- **Khấu trừ thuế TNCN từ tiền lương, tiền công:**
 - ✓ Tổ chức, cá nhân chi trả thu nhập từ tiền lương, tiền công có trách nhiệm khấu trừ thuế TNCN hàng tháng trước khi chi trả cho người LĐ và kê khai nộp NSNN theo quy định;
 - ✓ Nếu đơn vị trả thu nhập cho LĐ không thường xuyên như tiền nhuận bút; dịch sách; giảng dạy; tham gia các hiệp hội, HĐQT, HĐTV, BQL, thực hiện các dịch vụ KHKT, VH, TĐTT, tư vấn thiết kế XD, pháp lý có tổng mức chi trả từ 500.000 đồng/lần trở lên thì phải khấu trừ thuế như sau:
 - Khấu trừ 10% đối với các cá nhân đã đăng ký và có MST.
 - Khấu trừ 20% đối với các cá nhân không có mã số thuế.

6 June 2012

Nguyễn Lê Hồng Vỹ

50



6.4 Đăng ký, kê khai, quyết toán, hoàn thuế

6.4.2 Kỳ tính thuế:

- ✓ Theo năm áp dụng đối với thu nhập từ kinh doanh; thu nhập từ tiền lương, tiền công;
- ✓ Theo từng lần phát sinh đối với thu nhập từ đầu tư, chuyển nhượng vốn, BDS (trừ chứng khoán); thu nhập từ trúng thưởng, bán quyền, nhượng quyền TM, thừa kế, quà tặng.
- ✓ Theo từng lần chuyển nhượng hoặc theo năm đối với thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán. Nếu muốn tính thuế theo năm thì phải đăng ký từ đầu năm với cơ quan thuế.
- ✓ Kỳ tính thuế đối với cá nhân không cư trú được tính theo từng lần phát sinh đối với tất cả thu nhập chịu thuế.

6 June 2012

Nguyễn Lê Hồng Vỹ

51



6.4 Đăng ký, kê khai, quyết toán, hoàn thuế

6.4.3 Kê khai thuế, nộp thuế, quyết toán thuế:

- **Đối tượng phải khai quyết toán thuế:**
 - ✓ Cá nhân KD nộp thuế theo kê khai có TNCT bình quân trên 4 triệu đồng/tháng, nếu số thuế phải nộp trong năm lớn hơn số thuế đã tạm nộp hoặc có yêu cầu hoàn thuế hoặc bù trừ số thuế vào kỳ sau thì phải quyết toán thuế.
 - ✓ Tổ chức, cá nhân trả các khoản thu nhập thực hiện khấu trừ thuế có trách nhiệm khai quyết toán thuế TNCN.
- *Cá nhân chỉ có thu nhập từ kinh doanh nộp thuế TNCN theo phương pháp khoán và các trường hợp khác không phải quyết toán thuế.*

6 June 2012

Nguyễn Lê Hồng Vỹ

52



6.4 Đăng ký, kê khai, quyết toán, hoàn thuế

6.4.3 Kê khai thuế, nộp thuế, quyết toán thuế:

(1) Đối với đơn vị trả thu nhập thực hiện khấu trừ thuế:

- Trả thu nhập từ tiền lương, tiền công và đầu tư vốn...
- ✓ Nộp tờ khai thuế hằng tháng chậm nhất ngày 20 tháng sau. Nếu tổ chức trả thu nhập có tổng số thuế thấp hơn 5 trđ thì được khai nộp theo quý (ngày 30 của tháng đầu quý sau).
- ✓ Khai quyết toán thuế chậm nhất là ngày thứ 90 kể từ ngày kết thúc năm dương lịch tại cơ quan quản lý thuế.
- ✓ Thời hạn nộp số thuế đã khấu trừ và số thuế còn phải nộp khi quyết toán thuế là ngày cuối cùng của thời hạn nộp hồ sơ khai thuế tháng, quý và hồ sơ quyết toán thuế năm.

6 June 2012

Nguyễn Lê Hồng Vỹ

53



6.4 Đăng ký, kê khai, quyết toán, hoàn thuế

6.4.3 Kê khai thuế, nộp thuế, quyết toán thuế:

(2) Đối với cá nhân cư trú có thu nhập từ kinh doanh:

- Đối với cá nhân thực hiện đầy đủ chế độ hóa đơn, chứng từ
- ✓ Khai tạm nộp thuế hằng quý theo mẫu 08/KK-TNCN. Thời hạn nộp tờ khai chậm nhất là ngày 30 của tháng đầu quý sau
- ✓ Khai quyết toán thuế theo mẫu số 09/KK-TNCN tại Chi cục thuế trực tiếp quản lý chậm nhất là ngày thứ 90 kể từ ngày kết thúc năm dương lịch.
- ✓ Thời hạn nộp thuế chậm nhất là ngày cuối cùng của thời hạn nộp hồ sơ kê khai.

6 June 2012

Nguyễn Lê Hồng Vỹ

54



6.4 Đăng ký, kê khai, quyết toán, hoàn thuế

6.4.3 Kê khai thuế, nộp thuế, quyết toán thuế:

(2) Đối với cá nhân cư trú có thu nhập từ kinh doanh:

- Khai thuế đối với cá nhân chỉ hoạch toán được doanh thu, không hoạch toán được chi phí giống như đối với cá nhân thực hiện đầy đủ chế độ hóa đơn, chứng từ. Riêng chi phí KD được xác định theo mức ấn định của cơ quan thuế.
- Khai thuế đối với cá nhân không thực hiện đầy đủ chế độ hóa đơn, chứng từ nộp thuế theo phương pháp khoán thuế.
- ✓ Khai nộp thuế hằng năm theo mẫu 10/KK-TNCN. Thời hạn nộp hồ sơ khai thuế chậm nhất ngày 31/12 của năm đó. Nếu mới ra KD thì chậm nhất là 10 ngày khi bắt đầu KD.

6 June 2012

Nguyễn Lê Hồng Vỹ

55



6.4 Đăng ký, kê khai, quyết toán, hoàn thuế

6.4.3 Kê khai thuế, nộp thuế, quyết toán thuế:

(3) Đối với cá nhân cư trú có thu nhập từ tiền lương:

- Khai thuế tháng: Theo mẫu 07/KK-TNCN đối với:
 - ✓ Cá nhân nhận thu nhập từ tiền lương, tiền công do các tổ chức, cá nhân chi trả từ nước ngoài.
 - ✓ Các cá nhân là người Việt Nam có thu nhập từ tiền lương, tiền công do các tổ chức quốc tế, các đại sứ quán, lãnh sự quán đóng tại Việt Nam chi trả.
 - ✓ Cá nhân khác có thu nhập từ tiền lương, tiền công không thuộc các trường hợp nêu trên không phải khai thuế tháng.
- Khai quyết toán thuế (nếu cần)

6 June 2012

Nguyễn Lê Hồng Vỹ

56



6.4 Đăng ký, kê khai, quyết toán, hoàn thuế

6.4.3 Kê khai thuế, nộp thuế, quyết toán thuế:

(4) Khai thuế đối với các trường hợp khác:

- ✓ Cá nhân vừa có thu nhập từ KD, vừa có thu nhập từ tiền lương, tiền công chỉ phải kê khai, tạm nộp thuế từ KD.
- ✓ Cá nhân có thu nhập từ chuyển nhượng BĐS đều phải lập hồ sơ khai thuế cùng với hồ sơ chuyển nhượng BĐS.
- ✓ Cá nhân có thu nhập từ chuyển nhượng vốn phải kê khai thuế đồng thời với việc thực hiện chuyển nhượng vốn.
- ✓ Cá nhân có thu nhập từ nhận thừa kế, quà tặng có trách nhiệm kê khai thuế theo từng lần phát sinh thu nhập.
- Các trường hợp khác thực hiện kê khai thuế theo quy định.

6 June 2012

Nguyễn Lê Hồng Vỹ

57



6.4 Đăng ký, kê khai, quyết toán, hoàn thuế

6.4.4 Hoàn thuế:

- **Cá nhân được hoàn thuế trong các trường hợp sau:**
 - ✓ Số tiền thuế đã nộp lớn hơn số phải nộp trong kỳ tính thuế.
 - ✓ Cá nhân đã nộp thuế TNCN nhưng có thu nhập tính thuế chưa đến mức phải nộp thuế.
 - ✓ Các trường hợp khác theo quy định.
 - ✓ Việc hoàn thuế chỉ áp dụng đối với những cá nhân đã đăng ký thuế và có mã số thuế.
- **Hồ sơ hoàn thuế và thủ tục hoàn thuế theo quy định.**

6 June 2012

Nguyễn Lê Hồng Vỹ

58



6.4 Đăng ký, kê khai, quyết toán, hoàn thuế

6.4.4 Hoàn thuế:

▪ Hồ sơ hoàn thuế gồm:

- ✓ Văn bản đề nghị hoàn thuế theo mẫu số 01/HTBT.
- ✓ Bản sao chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu.
- ✓ Tờ khai quyết toán thuế thu nhập cá nhân.
- ✓ Chứng từ khấu trừ thuế, biên lai thu thuế TNCN.
- ✓ Chứng từ xác định tình trạng kết thúc thời gian làm việc như quyết định nghỉ hưu, quyết định thôi việc, bản thanh lý hợp đồng lao động, bảng kê xác định ngày cư trú (nếu có).
- ✓ Giấy ủy quyền nếu ủy quyền khai hoàn thuế (nếu có).

6 June 2012

Nguyễn Lê Hồng Vỹ

59



6.5 Trách nhiệm thu nộp thuế

▪ Trách nhiệm của cơ quan thuế:

- ✓ Thực hiện chế độ miễn, giảm thuế, hoàn thuế.
- ✓ Xử lý vi phạm về thuế và các nhiệm vụ khác theo quy định.

▪ Trách nhiệm của đơn vị trả thu nhập:

- ✓ Kê khai, khấu trừ, nộp thuế vào NSNN và quyết toán thuế.
- ✓ Cung cấp thông tin về đối tượng nộp thuế cho cơ quan thuế.

▪ Trách nhiệm của đối tượng nộp thuế

- ✓ Cá nhân có thu nhập chịu thuế có trách nhiệm kê khai, nộp thuế và quyết toán thuế theo quy định của pháp luật.

6 June 2012

Nguyễn Lê Hồng Vỹ

60